

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

Số: 836/KH-SKĐAHN

KẾ HOẠCH
Bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2026 - 2027

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật mới về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học vào hoạt động của Nhà trường; nâng cao năng lực tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước, người học và xã hội.

- Tổ chức đánh giá mức độ đáp ứng Chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo quy định mới, bắt đầu từ năm dữ liệu 2026; chủ động nhận diện, khắc phục sớm các chỉ số có nguy cơ không đạt.

- Triển khai có hiệu quả kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) và 03 chương trình đào tạo; thực hiện đầy đủ trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Thông tư số 20/2026/TT-BGDĐT, từng bước chuyển đổi hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học mới; duy trì, phát triển văn hóa chất lượng theo chu trình PDCA.

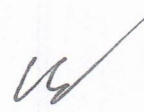
- Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra bảo đảm phù hợp Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg (áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ ngày 01/01/2027) và đối sánh với Khung tham chiếu trình độ ASEAN; nâng cao chất lượng đào tạo nghệ thuật theo tiếp cận chuẩn đầu ra, phù hợp đặc thù đào tạo năng lực sáng tạo, biểu diễn.

2. Yêu cầu

- Bám sát chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; mỗi nhiệm vụ chỉ giao một đơn vị chủ trì, chịu trách nhiệm chính; có sản phẩm, minh chứng đầu ra cụ thể và thời hạn hoàn thành rõ ràng.

- Dữ liệu phục vụ đánh giá chất lượng phải bảo đảm tính hệ thống, đầy đủ, chính xác, nhất quán, kiểm chứng được và được cập nhật đúng hạn trên Hệ thống thông tin quản lý giáo dục đại học (HEMIS).

- Gắn công tác bảo đảm chất lượng với chuyển đổi số, cải cách hành chính và kế hoạch công tác năm học của Nhà trường; lưu trữ đầy đủ minh chứng phục vụ tự đánh giá, đánh giá ngoài, hậu kiểm và công khai theo quy định.



II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
- Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
- Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030”;
- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 20/2026/TT-BGDĐT ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;
- Thông tư số 83/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;
- Quyết định số 3319/QĐ-BGDĐT ngày 01/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Báo cáo tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam với Khung tham chiếu trình độ ASEAN;
- Kế hoạch số 844/KH-BGDĐT ngày 20/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai các hoạt động sau tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam với Khung tham chiếu trình độ ASEAN;
- Quyết định số 2498/QĐ-BVHTTDL ngày 25/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế làm việc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Quyết định số 597/QĐ-SKĐAHN ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng ban hành Quy định đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;
- Quyết định số 521/QĐ-SKĐAHN ngày 26/5/2023 của Hiệu trưởng ban hành Chính sách chất lượng của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;
- Quyết định số 810/QĐ-SKĐAHN ngày 21/8/2023 của Hiệu trưởng ban hành Quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo;
- Quyết định số 843/QĐ-SKĐAHN ngày 16/8/2024 của Hiệu trưởng ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

- Kế hoạch số 214/KH-SKĐAHN ngày 19/4/2024 của Hiệu trưởng triển khai Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

- Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (chu kỳ 2), Báo cáo đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo và nghị quyết/quyết định công nhận của tổ chức kiểm định: Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục đại học: Nghị quyết số 197/NQ-HĐKĐCL ngày 31/10/2025; Quyết định số 1355/QĐ-HĐKĐCL ngày 19/11/2025; Chương trình Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình: Nghị quyết số 204/NQ-HĐKĐCL ngày 31/10/2025; Quyết định số 1375/QĐ-HĐKĐCL ngày 05/12/2025; Chương trình Đạo diễn điện ảnh: Nghị quyết số 205/NQ-HĐKĐCL ngày 31/10/2025; Quyết định số 1375/QĐ-HĐKĐCL ngày 05/12/2025; Chương trình Huấn luyện múa: Nghị quyết số 206/NQ-HĐKĐCL ngày 31/10/2025; Quyết định số 1375/QĐ-HĐKĐCL ngày 05/12/2025.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch số 587/KH-SKĐAHN ngày 14/10/2025 về bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2025 - 2026 và kế hoạch công tác năm học 2026 - 2027 của các đơn vị trong Trường.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Nội dung, sản phẩm, thời gian và phân công thực hiện chi tiết tại Bảng dưới đây; kế hoạch khảo sát các bên liên quan tại Phụ lục 1; lịch trình tự đánh giá mức độ đáp ứng Chuẩn cơ sở giáo dục đại học tại Phụ lục 2.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh Sinh viên

- Là đơn vị thường trực, chủ động tham mưu Hiệu trưởng tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn nghiệp vụ, giám sát, đôn đốc các đơn vị thực hiện; tổng hợp, báo cáo Ban Giám hiệu.

- Là đầu mối tổng hợp, đối soát dữ liệu đánh giá Chuẩn cơ sở giáo dục đại học; chủ trì xây dựng Báo cáo tự đánh giá mức độ đáp ứng Chuẩn và kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài; theo dõi, tham mưu thực hiện trách nhiệm của Nhà trường sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Thông tư số 20/2026/TT-BGDĐT.

- Tổ chức khảo sát các bên liên quan; quản lý kho minh chứng; thực hiện công khai theo quy định.

2. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế

- Chủ trì các nội dung về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, tuyển sinh, tổ chức đào tạo, khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế; chủ trì rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg); cung cấp, cập nhật dữ liệu thuộc Tiêu chuẩn 5, Tiêu chuẩn 6 và Tiêu chí 3.4 lên HEMIS; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu được giao.

3. Phòng Hành chính, Tổng hợp

- Chủ trì các nội dung về hệ thống văn bản quản trị, kế hoạch chiến lược, tổ chức - nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất; cung cấp, cập nhật dữ liệu thuộc Tiêu chuẩn 1 (Tiêu chí 1.1, 1.2), Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3 (Tiêu chí 3.1, 3.2) và Tiêu chuẩn 4 lên HEMIS; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu được giao.

4. Viện Sân khấu - Điện ảnh

- Chủ trì các nội dung về thư viện, học liệu (Tiêu chí 3.3); phối hợp thống kê sản phẩm khoa học, sáng tác, biểu diễn của giảng viên.

5. Các khoa chuyên môn và các đơn vị khác trong Trường

- Phổ biến Kế hoạch tới toàn thể viên chức, người lao động và người học của đơn vị; xây dựng kế hoạch BDCL năm học 2026 - 2027 của đơn vị (bản giấy và bản điện tử) gửi Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh Sinh viên (Bộ phận Khảo thí và ĐBCLGD) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Kế hoạch được ban hành.

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ được giao; lưu trữ đầy đủ minh chứng phục vụ tự đánh giá, đánh giá ngoài, hậu kiểm và công khai.

6. Chế độ báo cáo

- Các đơn vị báo cáo sơ kết Học kỳ I trước ngày 10/01/2027 và báo cáo tổng kết năm học trước ngày 10/7/2027 về Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh Sinh viên để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh Sinh viên (Bộ phận Khảo thí và ĐBCLGD) để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

7. Kinh phí

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của Nhà trường và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2026 - 2027 của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Hiệu trưởng yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Đảng ủy Trường (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Trường (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT&CTHSSV, TPH.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Như Lai

**BẢNG NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

(Kèm theo Kế hoạch số 836/KH-SKĐAHN ngày 30/9/2026 của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
A	CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG SAU ĐÁNH GIÁ NGOÀI				
1	Rà soát tiến độ thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài (CSGD chu kỳ 2 và 03 CTĐT) theo ma trận “khuyến nghị - hành động - đơn vị chủ trì - minh chứng - thời hạn”	Kế hoạch cải tiến được Hiệu trưởng phê duyệt	Tháng 11 - 12/2026	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
2	Giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch cải tiến; sơ kết theo học kỳ	Báo cáo tiến độ cải tiến HK I, HK II	Tháng 01/2027; tháng 6/2027	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
3	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng sau khi được cấp giấy chứng nhận kiểm định gửi Bộ VHTTDL (cơ quan quản lý trực tiếp) và Bộ GD&ĐT; báo cáo tiến độ cải tiến đối với các tiêu chí không đạt gửi tổ chức kiểm định; cập nhật phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học (Điều 20, Điều 43, Điều 49 Thông tư số 20/2026/TT-BGDĐT)	Báo cáo cải tiến chất lượng hằng năm; dữ liệu cập nhật trên phần mềm	Tháng 11 - 12/2026 (hàng năm)	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Phòng HCTH; Các đơn vị liên quan



STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Rà soát, đối chiếu hệ thống BDCL bên trong, kế hoạch cải tiến và hệ thống minh chứng với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học (15 tiêu chuẩn) theo Thông tư số 20/2026/TT-BGDĐT; xây dựng lộ trình tự đánh giá giữa chu kỳ (Biểu 15) và chuẩn bị tự đánh giá chu kỳ kiểm định tiếp theo	Báo cáo đối chiếu theo 15 tiêu chuẩn; lộ trình tự đánh giá giữa chu kỳ	HK II	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
5	Xây dựng lộ trình tự đánh giá, đánh giá ngoài các CTĐT (đại học, thạc sĩ, tiền sĩ) giai đoạn 2027 - 2030 theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT; lựa chọn CTĐT tự đánh giá năm 2027	Lộ trình KĐCL CTĐT; Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá	Tháng 12/2026 - 3/2027	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Phòng ĐT, QLKH&HTQT; Các khoa chuyên môn
B	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CHUẨN CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (NĂM DỮ LIỆU 2026)				
6	Thành lập Tổ công tác đánh giá mức độ đáp ứng Chuẩn cơ sở giáo dục đại học; phân công đầu mối theo 06 tiêu chuẩn (Phụ lục 2)	Quyết định thành lập Tổ công tác; bảng phân công	Tháng 10/2026	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
7	Tập huấn Thông tư số 83/2026/TT-BGDĐT quy định Chuẩn cơ sở giáo dục đại học: tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số; phương pháp xác định; hệ số quy đổi người học, giảng viên	Tài liệu tập huấn; danh sách tham dự	Tháng 11/2026	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
8	Rà soát nhanh toàn bộ chỉ số theo dữ liệu năm 2025 và ước thực hiện năm 2026; nhận diện chỉ số có nguy cơ không đạt, đề xuất giải pháp khắc phục	Báo cáo rà soát nhanh; danh mục chỉ số rủi ro và giải pháp	Tháng 11/2026	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
9	Tiêu chuẩn 1 - Tổ chức và quản trị: Rà soát, bảo đảm hệ thống quy chế, quy định nội bộ ban hành đầy đủ, đúng thẩm quyền, còn hiệu lực theo Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 (Tiêu chí 1.1)	Danh mục văn bản nội bộ; kế hoạch sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	HK I	Phòng HCTH	Các đơn vị liên quan
10	Cụ thể hóa sứ mạng, chiến lược phát triển thành các chỉ số hoạt động chính (KPIs) trong kế hoạch năm; giám sát, đánh giá bảo đảm $\geq 50\%$ KPIs đạt hoặc vượt mục tiêu (Tiêu chí 1.2)	Bộ KPIs năm 2027 được phê duyệt; báo cáo đánh giá KPIs năm 2026	Tháng 12/2026 - 01/2027	Phòng HCTH	Các đơn vị liên quan
11	Tiêu chuẩn 2 - Giảng viên: Rà soát, dự báo các tỷ lệ: người học quy đổi/giảng viên quy đổi ≤ 40 ; giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động $\geq 70\%$; giảng viên có trình độ tiến sĩ theo mức áp dụng đối với trường đào tạo ngành đặc thù có đào tạo tiến sĩ ($\geq 10\%$, từ năm 2030 $\geq 15\%$)	Báo cáo thực trạng, dự báo đội ngũ; kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng	Tháng 11 - 12/2026	Phòng HCTH (BP TCCB)	Các khoa chuyên môn
12	Tiêu chuẩn 3 - Cơ sở vật chất, học liệu, hạ tầng số: Rà soát diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo $\geq 2,8$ m ² /người học chính quy quy đổi; $\geq 70\%$ giảng viên cơ hữu có chỗ làm việc riêng biệt; xây dựng lộ trình đáp ứng diện tích đất ≥ 25 m ² /người học từ năm 2030	Báo cáo hiện trạng CSVC; lộ trình đáp ứng Tiêu chí 3.1	HK I	Phòng HCTH (BP HCQT)	Các đơn vị liên quan

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
13	Bảo đảm học liệu theo CTĐT và số lượt sử dụng học liệu hợp lệ bình quân ≥ 10 lượt/người/năm học; kết xuất dữ liệu từ phần mềm quản lý thư viện (Tiêu chí 3.3)	Báo cáo thống kê lượt sử dụng học liệu	Tháng 12/2026	Viện SK-ĐA (BP TTTV)	Phòng ĐT, QLKH&HTQT
14	Rà soát hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) bảo đảm đáp ứng 100% chức năng, yêu cầu tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT (Tiêu chí 3.4)	Biên bản rà soát LMS; phương án nâng cấp [trường hợp chưa có hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) ban hành tờ trình triển khai theo lộ trình phù hợp thực tiễn đào tạo của Trường]	HK I	Phòng ĐT, QLKH&HTQT	Phòng HCTH (BP HCQT)
15	Tiêu chuẩn 4 - Tài chính: Xác định biên độ hoạt động (trung bình 03 năm không âm) và chỉ số tăng trưởng bền vững (không âm); hoàn thiện số liệu tài chính năm 2026	Bảng tính chỉ số 4.1, 4.2; số liệu tài chính cập nhật HEMIS	Trước 31/3/2027	Phòng HCTH (BP Tài vụ)	Phòng HCTH
16	Tiêu chuẩn 5 - Tuyển sinh và đào tạo: Xác định tỷ lệ nhập học (trung bình 03 năm $\geq 50\%$), biến động quy mô (không giảm quá 30%), tỷ lệ thôi học ($\leq 10\%$; năm thứ nhất $\leq 15\%$), tỷ lệ tốt nghiệp ($\geq 60\%$) và tốt nghiệp đúng hạn ($\geq 40\%$)	Bảng tính chỉ số 5.1 - 5.3; danh sách người học có nguy cơ thôi học	Tháng 12/2026 - 01/2027	Phòng ĐT, QLKH&HTQT (BP Đào tạo)	Phòng KT&CTHSSV (BP CTHSSV); Các khoa chuyên môn

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
17	Tổ chức khảo sát bảo đảm các chỉ số Tiêu chí 5.4: hài lòng với giảng viên $\geq 70\%$ (tỷ lệ người học có phản hồi hợp lệ $\geq 60\%$); người tốt nghiệp hài lòng tổng thể $\geq 70\%$ (tỷ lệ phản hồi $\geq 70\%$)	Báo cáo kết quả khảo sát; dữ liệu cập nhật HEMIS	Theo Phụ lục 1	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các khoa chuyên môn
18	Khảo sát, xác định tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp, tự tạo việc làm hoặc học tiếp trong 12 tháng sau tốt nghiệp $\geq 70\%$ (Tiêu chí 5.5)	Báo cáo tình hình việc làm của người tốt nghiệp	Tháng 11/2026 - 3/2027	Phòng KT&CTHSSV (BP CTHSSV)	Các khoa chuyên môn
19	Tiêu chuẩn 6 - Khoa học, công nghệ và ĐMST: Xác định tỷ trọng thu từ hoạt động KH, CN và ĐMST (Tiêu chí 6.1); thống kê sản phẩm khoa học, sáng tác, biểu diễn quy đổi phục vụ đối sánh (Tiêu chí 6.2 không bắt buộc đối với lĩnh vực Nghệ thuật)	Bảng tính chỉ số 6.1; thống kê sản phẩm KH, sáng tác	Tháng 12/2026 - 3/2027	Phòng ĐT, QLKH&HTQT (BP QLKH)	Phòng HCTH (BP Tài vụ); Viện SK-ĐA
20	Chuẩn hóa, đồng bộ dữ liệu từ các hệ thống quản trị nội bộ (nhân sự, tài chính, đào tạo, LMS, thư viện) lên HEMIS; ban hành quy trình phân quyền, đối soát, lưu vết dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân (Tiêu chí 1.3)	Quy trình quản lý dữ liệu HEMIS; biên bản đối soát	Tháng 10 - 12/2026	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
21	Chốt dữ liệu phi tài chính tại ngày 31/12/2026; đối soát, hiệu chỉnh sai lệch	Biên bản chốt, đối soát dữ liệu	Tháng 01/2027	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
22	Xây dựng Báo cáo tự đánh giá mức độ đáp ứng Chuẩn cơ sở giáo dục đại học năm dữ liệu 2026, trình Hiệu trưởng phê duyệt	Báo cáo tự đánh giá được phê duyệt	Trước 30/4/2027	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
23	Công bố kết quả tự đánh giá; giải trình, bổ sung dữ liệu khi có yêu cầu (không quá 30 ngày); tiếp nhận kết quả do Bộ GD&ĐT thông báo, xây dựng kế hoạch cải tiến đối với chỉ số chưa đạt	Thông báo công khai; văn bản giải trình; kế hoạch cải tiến	Công bố trước 31/5/2027; tháng 6 - 7/2027	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
C	CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				
24	Rà soát, sửa đổi, cập nhật CTĐT các trình độ bảo đảm phù hợp Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg) và chuẩn chương trình đào tạo do Bộ GD&ĐT ban hành: chuẩn đầu ra theo 03 thành phần (kiến thức; kỹ năng; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân); khối lượng học tập tối thiểu (đại học 120 tín chỉ; thạc sĩ 60 tín chỉ định hướng nghiên cứu, 45 tín chỉ định hướng ứng dụng; tiến sĩ 90 tín chỉ đối với đầu vào thạc sĩ, 135 tín chỉ đối với đầu vào đại học), trừ trường hợp chuẩn CTĐT ngành đặc thù lĩnh vực nghệ thuật có quy định khác; năng lực ngoại ngữ, năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ ngày 01/01/2027	Báo cáo rà soát từng CTĐT; CTĐT cập nhật được Hiệu trưởng ban hành trước khi tuyển sinh năm 2027	Tháng 10/2026 - 02/2027	Phòng ĐT, QLKH&HTQT (BP Đào tạo)	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD); Các khoa chuyên môn

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
25	Rà soát, đối sánh chuẩn đầu ra các CTĐT với mô tả bậc trình độ 6, 7, 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg) và Khung tham chiếu trình độ ASEAN theo Báo cáo tham chiếu (Quyết định số 3319/QĐ-BGDĐT), Kế hoạch số 844/KH-BGDĐT và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT	Báo cáo đối sánh CDR từng CTĐT; ma trận CDR - bậc trình độ	HK I - HK II	Phòng ĐT, QLKH&HTQT (BP Đào tạo)	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD); Các khoa chuyên môn
26	Đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra CTĐT theo tiếp cận OBE (đo lường PLO đối với khóa tốt nghiệp năm 2027); thực hiện theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT	Báo cáo đo lường mức độ đạt CDR	HK II	Phòng ĐT, QLKH&HTQT (BP Đào tạo)	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD); Các khoa chuyên môn
27	Xây dựng, chuẩn hóa bộ công cụ đánh giá (rubric) năng lực sáng tạo, biểu diễn (bài thi chuyên ngành, vở diễn, tác phẩm, phim tốt nghiệp); tăng cường chuyên gia, nghệ sĩ bên ngoài tham gia hội đồng đánh giá	Bộ rubric được ban hành; báo cáo áp dụng thử	HK I	Phòng KT&CTHSSV (BP Khảo thí)	Phòng ĐT, QLKH&HTQT; Các khoa chuyên môn
28	Rà soát, điều chỉnh quy định đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ phù hợp Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg và văn bản hướng dẫn	Quy định đào tạo sửa đổi, bổ sung	HK I	Phòng ĐT, QLKH&HTQT	Các đơn vị liên quan
29	Kiểm tra việc thực hiện CTĐT và quy trình đánh giá mức độ đạt CDR	Biên bản, báo cáo kiểm tra	HK II	Phòng ĐT, QLKH&HTQT	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
30	Sơ kết, phân tích hiệu quả, sự phù hợp của các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; phân tích chất lượng đề thi	Báo cáo sơ kết công tác khảo thí	Tháng 01/2027	Phòng KT&CTHSSV (BP Khảo thí)	Phòng ĐT, QLKH&HTQT; Các khoa chuyên môn
31	Định hướng tuyển sinh năm 2027, bảo đảm CTĐT áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2027 phù hợp Khung trình độ quốc gia Việt Nam; quản lý văn bằng, chứng chỉ đúng quy định, triển khai văn bằng số	Đề án/kế hoạch tuyển sinh 2027; hồ sơ quản lý văn bằng	Tháng 01 - 02/2027; cả năm học	Phòng ĐT, QLKH&HTQT	Các đơn vị liên quan
D	HOÀN THIỆN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG				
32	Sửa đổi, bổ sung Quy định đảm bảo chất lượng giáo dục (Quyết định số 597/QĐ-SKĐAHN), Chính sách chất lượng, Quy định so chuẩn đối sánh, Quy định công khai của Trường phù hợp Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học (Thông tư số 20/2026/TT-BGDĐT) và Chuẩn cơ sở giáo dục đại học (Thông tư số 83/2026/TT-BGDĐT)	Các quyết định ban hành văn bản sửa đổi	HK I - HK II	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
33	Vận hành chu trình PDCA: các đơn vị xây dựng kế hoạch BDCL; giám sát, đánh giá, cải tiến theo học kỳ	Kế hoạch BDCL đơn vị; báo cáo giám sát	Tháng 11/2026; theo học kỳ	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
34	So chuẩn, đối sánh chất lượng với các cơ sở đào tạo nghệ thuật trong nước và khu vực theo Quyết định số 810/QĐ-SKĐAHN	Báo cáo so chuẩn, đối sánh	HK II	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
35	Số hóa kho minh chứng; cập nhật hệ thống quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu BĐCL, bảo đảm kết nối với dữ liệu HEMIS	Kho minh chứng số được cập nhật	Cả năm học	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
36	Tập huấn nghiệp vụ BĐCL, trọng tâm là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học (Thông tư số 20/2026/TT-BGDĐT) và Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg); bồi dưỡng đội ngũ làm công tác BĐCL, cử tham gia khóa đào tạo kiểm định viên	Tài liệu tập huấn; danh sách, chứng nhận	HK I - HK II	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
37	Thanh tra, kiểm tra nội bộ theo chỉ đạo của Ban Giám hiệu và hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên	Kết luận thanh tra, kiểm tra	Theo kế hoạch	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
Đ	CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG THEO LĨNH VỰC				
38	Rà soát Đề án vị trí việc làm; áp dụng KPIs trong đánh giá, xếp loại viên chức; tổng kết, đối sánh kết quả thực hiện kế hoạch nhân sự	Đề án VTVL cập nhật; báo cáo tổng kết nhân sự	Cả năm học	Phòng HCTH (BP TCCB)	Các đơn vị liên quan

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
39	Thực hiện đúng quy định về tự chủ và trách nhiệm giải trình trong mở ngành, tuyển sinh, liên kết đào tạo, quản lý tài chính, tài sản theo Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15	Báo cáo giải trình theo quy định	Cả năm học	Phòng ĐT, QLKH&HTQT	Phòng HCTH (BP Tài vụ)
40	Xây dựng quy định quản lý hoạt động hợp tác trong nước; lấy ý kiến đối tác về hoạt động hợp tác, đối ngoại; đón, cử đoàn theo kế hoạch	Quy định được ban hành; báo cáo khảo sát đối tác	Cả năm học	Phòng ĐT, QLKH&HTQT (BP HTQT)	Các đơn vị liên quan
41	Xây dựng kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng năm học 2026 - 2027; đánh giá tác động xã hội	Kế hoạch PVCD; báo cáo kết quả	Tháng 11/2026; tháng 6/2027	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
42	Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, CNTT	Kế hoạch bảo trì; báo cáo đánh giá hiệu quả	HK I; HK II	Phòng HCTH (BP HCQT)	Các đơn vị liên quan
43	Bổ sung giáo trình, tài liệu theo đề cương chi tiết học phần; phát triển học liệu số	Danh mục học liệu bổ sung	HK II	Viện SK-ĐA (BP TTTV)	Các khoa chuyên môn
44	Tăng cường hỗ trợ người học: cố vấn học tập, cảnh báo sớm nguy cơ thôi học; phối hợp tổ chức thực tập, thực tế tại đơn vị nghệ thuật, doanh nghiệp; tư vấn việc làm	Báo cáo công tác hỗ trợ người học	Cả năm học	Phòng KT&CTHSSV (BP CTHSSV)	Phòng ĐT, QLKH&HTQT; Các khoa chuyên môn
E	KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CÁC BÊN LIÊN QUAN				

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm/minh chứng đầu ra	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
45	Tổ chức khảo sát các bên liên quan theo Phụ lục 1; phân tích kết quả, phản hồi cải tiến tới đơn vị liên quan (đóng vòng phản hồi)	Báo cáo kết quả khảo sát; báo cáo cải tiến sau khảo sát	Theo Phụ lục 1	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
G	CÔNG KHAI, BÁO CÁO				
46	Công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT và Quy định công khai của Trường; duy trì công khai kết quả đánh giá ngoài, kế hoạch cải tiến chất lượng, giấy chứng nhận kiểm định (Điều 49 Thông tư số 20/2026/TT-BGDĐT) và công khai kết quả đánh giá Chuẩn cơ sở giáo dục đại học	Nội dung công khai; báo cáo thường niên	Theo mốc quy định	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan
47	Báo cáo công tác BDCL gửi Bộ GD&ĐT; báo cáo Bộ VHTTDL theo chế độ thông tin, báo cáo tại Quy chế làm việc của Bộ (Quyết định số 2498/QĐ-BVHTTDL), thực hiện qua Nền tảng công vụ số OneCST	Các báo cáo định kỳ, đột xuất	Theo yêu cầu	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Phòng HCTH
48	Sơ kết Học kỳ I, tổng kết năm học việc thực hiện Kế hoạch BDCL	Báo cáo sơ kết, tổng kết trình Ban Giám hiệu	Tháng 01/2027; tháng 7/2027	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Các đơn vị liên quan

Ghi chú viết tắt: Phòng KT&CTHSSV: Phòng Khảo thí và Công tác Học sinh Sinh viên; BP KT&ĐBCLGD: Bộ phận Khảo thí và ĐBCLGD; BP CTHSSV: Bộ phận Công tác HSSV; Phòng ĐT, QLKH&HTQT: Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng HCTH: Phòng Hành chính, Tổng hợp; BP TCCB: Bộ phận Tổ chức cán bộ; BP HCQT: Bộ phận Hành chính, Quản trị; Viện SK-ĐA (BP TTTV): Viện Sân khấu - Điện ảnh (Bộ phận Thông tin - Thư viện); CSGD: cơ sở giáo dục; CTĐT: chương trình đào tạo; CDR: chuẩn đầu ra; BDCL: bảo đảm chất lượng; KĐCL: kiểm định chất lượng; DMST: đổi mới sáng tạo; PVCĐ: phục vụ cộng đồng; HK: học kỳ năm học 2026 - 2027./.



PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CÁC BÊN LIÊN QUAN NĂM HỌC 2026 - 2027

(Kèm theo Kế hoạch số 836/KH-SKĐAHN ngày 30/9/2026 của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)

STT	Nội dung khảo sát	Đối tượng/yêu cầu phản hồi	Thời gian	Hình thức	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm
1	Ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (phục vụ chỉ số hài lòng với giảng viên - Tiêu chí 5.4)	Người học các trình độ; tỷ lệ người học có ≥ 01 phản hồi hợp lệ $\geq 60\%$	Cuối mỗi học phần; tổng hợp theo HK I, HK II	Trực tuyến	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Báo cáo theo học kỳ; phản hồi tới khoa, giảng viên
2	Ý kiến người tốt nghiệp về mức độ hài lòng tổng thể đối với CTĐT, quá trình học tập và trải nghiệm (Tiêu chí 5.4)	Người tốt nghiệp năm 2026 - 2027; tỷ lệ phản hồi hợp lệ $\geq 70\%$	Tháng 5 - 7/2027	Trực tuyến	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Báo cáo kết quả; dữ liệu HEMIS
3	Tình hình việc làm của người tốt nghiệp trong 12 tháng sau tốt nghiệp (Tiêu chí 5.5)	Người tốt nghiệp năm 2025 - 2026	Tháng 11/2026 - 3/2027	Trực tuyến, điện thoại	Phòng KT&CTHSSV (BP CTHSSV)	Báo cáo tình hình việc làm
4	Ý kiến nhà sử dụng lao động về người tốt nghiệp	Đơn vị nghệ thuật, cơ quan báo chí, truyền hình, doanh nghiệp	HK II	Trực tuyến, phỏng vấn	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Báo cáo kết quả; đề xuất điều chỉnh CĐR
5	Ý kiến người học về hoạt động, dịch vụ hỗ trợ người học	Người học các khóa	HK II	Trực tuyến	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Báo cáo kết quả
6	Ý kiến người học về thư viện và các hoạt động hỗ trợ của thư viện	Người học các khóa	HK II	Trực tuyến	Viện SK-ĐA (BP TTTV)	Báo cáo kết quả
7	Ý kiến giảng viên, viên chức về thư viện và các hoạt động hỗ trợ của thư viện	Giảng viên, viên chức	HK II	Trực tuyến	Viện SK-ĐA (BP TTTV)	Báo cáo kết quả

W

STT	Nội dung khảo sát	Đối tượng/yêu cầu phản hồi	Thời gian	Hình thức	Đơn vị thực hiện	Sản phẩm
8	Ý kiến người học về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thực hành, hệ thống CNTT	Người học các khóa	HK II	Trực tuyến	Phòng HCTH (BP HCQT)	Báo cáo kết quả
9	Ý kiến giảng viên, viên chức về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thực hành, hệ thống CNTT	Giảng viên, viên chức	HK II	Trực tuyến	Phòng HCTH (BP HCQT)	Báo cáo kết quả
10	Ý kiến người học về hoạt động hỗ trợ, phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ	Người học các khóa	HK I	Trực tuyến	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Báo cáo kết quả
11	Ý kiến giảng viên về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ và các hoạt động khác của Nhà trường	Giảng viên	HK I	Trực tuyến	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Báo cáo kết quả
12	Ý kiến người học về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Người học tham gia hoạt động	HK II	Trực tuyến	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Báo cáo kết quả
13	Ý kiến giảng viên, viên chức về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Giảng viên, viên chức	HK II	Trực tuyến	Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Báo cáo kết quả
14	Ý kiến giảng viên về hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tác	Giảng viên	HK II	Trực tuyến	Viện SK-ĐA	Báo cáo kết quả
15	Ý kiến đối tác về hoạt động hợp tác, đối ngoại	Đối tác trong nước, quốc tế	HK II	Trực tuyến	Phòng ĐT, QLKH&HTQT (BP HTQT)	Báo cáo kết quả

Yêu cầu chung: Phiếu khảo sát được rà soát, thống nhất trước khi triển khai, bảo đảm sinh đúng dữ liệu phục vụ các chỉ số của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học; kết quả khảo sát được phân tích, gửi đơn vị liên quan để xây dựng biện pháp cải tiến và báo cáo kết quả cải tiến trong kỳ khảo sát tiếp theo; dữ liệu khảo sát được bảo mật theo quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân./



PHỤ LỤC 2

**LỊCH TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CHUẨN CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (NĂM DỮ LIỆU 2026)
VÀ CẬP NHẬT HEMIS***(Kèm theo Kế hoạch số 836/KH-SKĐAHN ngày 30/9/2026 của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội)***1. Phân công đầu mối theo tiêu chuẩn**

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị đầu mối cung cấp, cập nhật dữ liệu	Hồ sơ, dữ liệu chủ yếu
1	Tiêu chuẩn 1. Tổ chức và quản trị	Tiêu chí 1.1, 1.2: Phòng HCTH; Tiêu chí 1.3 (dữ liệu HEMIS): Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD)	Danh mục văn bản; bộ KPIs; biên bản đối soát dữ liệu
2	Tiêu chuẩn 2. Giảng viên	Phòng HCTH (BP TCCB)	Dữ liệu đội ngũ; bảng tính 2.1 - 2.3
3	Tiêu chuẩn 3. Cơ sở vật chất, học liệu và hạ tầng số	Tiêu chí 3.1, 3.2: Phòng HCTH (BP HCQT); Tiêu chí 3.3: Viện SK-ĐA (BP TTTV); Tiêu chí 3.4: Phòng ĐT, QLKH&HTQT	Hồ sơ đất đai, diện tích sàn; thống kê thư viện; biên bản rà soát LMS
4	Tiêu chuẩn 4. Tài chính	Phòng HCTH (BP Tài vụ)	Báo cáo tài chính; bảng tính 4.1, 4.2
5	Tiêu chuẩn 5. Tuyển sinh và đào tạo	Tiêu chí 5.1 - 5.3: Phòng ĐT, QLKH&HTQT; Tiêu chí 5.4: Phòng KT&CTHSSV (BP KT&ĐBCLGD); Tiêu chí 5.5: Phòng KT&CTHSSV (BP CTHSSV)	Dữ liệu tuyển sinh, người học; kết quả khảo sát
6	Tiêu chuẩn 6. Khoa học, công nghệ và ĐMST	Phòng ĐT, QLKH&HTQT (BP QLKH); phối hợp Phòng HCTH (BP Tài vụ), Viện SK-ĐA	Bảng tính 6.1; thống kê sản phẩm KH, sáng tác (6.2 không bắt buộc)

2. Lịch trình thực hiện

STT	Thời gian	Nội dung	Sản phẩm
1	Tháng 10/2026	Thành lập Tổ công tác; phân công đầu mối; rà soát quyền truy cập, phân quyền HEMIS	Quyết định thành lập; bảng phân công
2	Tháng 11/2026	Tập huấn; rà soát nhanh chỉ số theo dữ liệu 2025 và ước năm 2026; xác định chỉ số rủi ro	Báo cáo rà soát nhanh

STT	Thời gian	Nội dung	Sản phẩm
3	Tháng 11 - 12/2026	Triển khai giải pháp khắc phục chỉ số rủi ro; chuẩn hóa, đồng bộ dữ liệu lên HEMIS	Biên bản đối soát lần 1
4	31/12/2026	Thời điểm xác định dữ liệu phi tài chính năm 2026	Dữ liệu chốt trên HEMIS
5	Tháng 01 - 02/2027	Đối soát, hiệu chỉnh sai lệch dữ liệu phi tài chính; lưu vết điều chỉnh	Biên bản đối soát lần 2
6	Trước 31/3/2027	Hoàn thiện, cập nhật số liệu tài chính năm 2026	Số liệu tài chính trên HEMIS
7	Tháng 4/2027 (trước 30/4/2027)	Hoàn thành Báo cáo tự đánh giá mức độ đáp ứng Chuẩn cơ sở giáo dục đại học năm dữ liệu 2026; trình Hiệu trưởng phê duyệt	Báo cáo tự đánh giá
8	Trước 31/5/2027	Công bố kết quả tự đánh giá; chịu trách nhiệm về kết quả công bố	Thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử
9	Tháng 6/2027	Tiếp nhận kết quả do Bộ GD&ĐT thông báo (trước 30/6/2027); giải trình, bổ sung dữ liệu trong thời hạn không quá 30 ngày khi có yêu cầu	Văn bản giải trình (nếu có)
10	Tháng 7/2027	Xây dựng kế hoạch cải tiến đối với tiêu chí, chỉ số chưa đạt; tích hợp vào Kế hoạch BDCL năm học 2027 - 2028	Kế hoạch cải tiến

Ghi chú: Đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, nhất quán của dữ liệu thuộc phạm vi được giao; trường hợp kê khai không trung thực hoặc sai lệch dữ liệu, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm theo quy định./.